

Kẻ Sĩ hay Hèn Sĩ.

Trang Y Hạ

Kẻ Sĩ Ngày Xưa:

Từ khi nhân loại biết dùng ký tự (chữ viết) và học hành thì chính là lúc đó đã có “kẻ sĩ”. Theo Hán Tự, chữ “Sĩ” là người, (người có học vấn). Kẻ sĩ (士) là một danh xưng tôn kính chỉ về người có học vấn ở trong xã hội phong kiến Trung Quốc và các quốc gia phong kiến Đông, Tây. Kẻ sĩ, họ là những người có tài năng, có trí thức, có đạo đức, có trách nhiệm. Từ chỗ có học vấn uyên thâm: - họ đã cho ra đời rất nhiều công trình nghiên cứu và nhiều tác phẩm lừng danh.

Trong trường đời, đôi khi có những người họ không lấy được bằng cấp cao, nhưng họ vẫn là kẻ sĩ. Và một khi kẻ sĩ nhận định sai - đi sai đường phục vụ cho bạo chúa, độc tài, hoặc “Quy Gối” trước kẻ ác để cầu danh lợi thì cũng đem lại nhiều khổ đau cho bản thân và xã hội. Từ lý do đó, mà người xưa nói:

“Thiên hạ bản vô sự, dung nhơn tự nhiều chi.”

Tạm dịch:

(Thiên hạ vốn bình yên, kẻ khờ tự khuấy động.)

Kẻ sĩ ngày xưa đóng một vai trò rất quan trọng trong lãnh vực giáo dục, kẻ sĩ giữ khuôn vàng thước ngọc, cân bằng về đạo đức, gia giáo, phê bình cái xấu cũng cố cổ vũ cái đẹp... Bởi vậy, không một chế độ nào muốn tồn tại mà không thể không dùng kẻ sĩ. Xã hội ngày xưa rất coi trọng “kẻ sĩ”, nên có câu: “Nhất sĩ, Nhì nông”. Sống trong chế độ phong kiến và quân chủ chuyên quyền, thiên hạ luôn trông chờ một đấng Minh Vương, một vị quan Thanh Liêm, nếu xã hội suy đồi loạn lạc cướp bóc thì chỉ biết dựa vào Hiệp Sĩ. Từ nguyên do đó mà bá tánh luôn coi trọng những kẻ sĩ có tâm, kẻ sĩ có nhân cách.

Theo chủ nghĩa cộng sản “kẻ sĩ, trí thức” đều thuộc thành phần tư sản “phản động” cần phải loại bỏ. Theo “Lenin Toàn Tập”. Bản tiếng Nga, thì:

“Các lực lượng trí tuệ của công nông đang trưởng thành vững mạnh trong cuộc đấu tranh lật đổ tư sản và bọn đồng lõa, lũ trí thức – đây tớ của tư bản -, những kẻ tưởng mình là bộ não của quốc gia. Trên thực tế, bọn chúng không phải là bộ não mà là CÚT (з о б о).”

Tiền Sĩ, Nguyễn Đình Đăng. Dịch.

Câu nói của Lenin cho rằng “Bộ Não của Trí Thức là CÚT” cũng có phần đúng, - hiểu theo cách nhìn của một lãnh tụ theo chủ thuyết “cộng sản vô thần”. Theo ngụ ý của ông Lenin, Trí thức, một khi chưa được “tẩy não” sạch sẽ để có một lòng trung thành tuyệt đối phục vụ đảng thì chẳng khác gì một cục cứt..

Thật ra, nếu tẩy não trí thức theo một hướng như bầy cừu thì trí thức chẳng hóa ra “hèn” hết ư...?! Tại sao không nói trắng ra rằng: - phải “biết hèn để sống” bằng không sẽ bị loại trừ? Do đó, sống dưới thời phong kiến, thời độc đảng, độc tài thì - kẻ sĩ phải tự thích nghi, thay màu như con tắc kè để làm theo “tám bảng chỉ đường” do người ta dựng sẵn.

Tong cuộc sống cũng có khá nhiều kẻ sĩ thích được “hèn” bởi thích chủ thuyết hoặc mượn chủ thuyết để “mua quan bán chức” mưu cầu hạnh phúc cho bản thân - bắt kẻ liêm sỉ, bắt kẻ nhân cách làm người, bắt kẻ sự thật. Kẻ sĩ tự hạ mình thành kẻ “hèn” thì rất nguy hiểm cho cộng đồng; cho gia đình, bạn hữu. Loại kẻ sĩ tự hèn không tuân thủ bất cứ quy tắc đạo đức, trách nhiệm nào. Họ có thể bán đứng bất cứ thứ gì có thể bán miễn đạt được mục đích là có quyền, có tiền nhằm vinh thân phì gia.

Loại kẻ sĩ làm lạc này, tới một lúc nào đó sẽ chợt tỉnh ngộ ra rằng bản thân “cống hiến” quá nhiều, nhưng cuối cùng cũng bị “vắt chanh bỏ vỏ” trở mặt để tìm về vị trí cao quý của kẻ sĩ - dù có trễ. Điển hình, Vũ Thư Hiên với tác phẩm “Đêm Giữa Ban Ngày”, Nhạc sĩ Tô Hải với tác phẩm “Hồi Ký Của Một Thằng Hèn”. Trần Đình với tác phẩm “Đèn Cù”. Xuân Vũ với tác phẩm “Đường Đi Không Đến”. Và còn nhiều tác giả nữa cũng là kẻ sĩ không chịu khom lưng cúi đầu.

Thi sĩ Trần Tế Xương cũng đã từng làm thơ chế riễu:

*“Lặng lặng mà nghe nó chúc sang:
Đưa thì mua tước, đưa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.”.*

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa miền Nam có một nhóm trí thức (kẻ sĩ) gồm mười tám [18] người, phần nhiều có bằng tốt nghiệp đại học từ Pháp Quốc mà tổng thống Ngô Đình Diệm rất kính trọng: Cụ Diệm, mỗi khi gặp họ xưng họ là “Ngài” với một tấm lòng ưu ái. Họ là những bác sĩ, luật sư... đã được Cụ Diệm mời cộng tác nhưng họ chỉ cộng tác một thời gian ngắn rồi ly khai, ly khai khi chính quyền không đáp ứng các yêu cầu “cấp tiến” của họ. Tiêu biểu là Trần Văn Văn, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Trần Văn Đỗ, Nguyễn Lưu Viên, Linh mục Hồ Văn Vui, Trần Văn Tuyên, Phan Huy Quát, và nhiều người khác... Người đời gọi họ là “Nhóm Caravelle”.

Thật lòng mà nói, chính nhóm Caravelle này đã tạo tiền đề cho các phe đảng tôn giáo tượng tá nổi lên làm phản - tạo ra cuộc “đảo chánh” năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba [1963] xóa bỏ hoàn toàn nền đệ nhất cộng hòa non trẻ dẫn tới sự sụp đổ miền Nam về tay Cộng sản Bắc Việt sau này.

Thời Đệ Nhị Cộng Hòa, một số lớn trong nhóm caravelle đó vẫn tiếp tục đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền. Điển hình là Thủ tướng Phan Huy Quát người đã thỏa thuận cho quân đội Hoa Kỳ đổ quân vô miền Nam vào năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm [1965]). Nhóm kẻ sĩ đó cũng không làm nên chuyện gì nổi bật cho đất nước và dẫn tới ngày Bắc Việt xóa sổ miền Nam. Ngày chế độ miền Nam không còn một số cũng chạy ra nước ngoài tị nạn, viết hồi ký đổ thừa cho Mỹ “phản bội” hòng chạy tội. Họ không dám quay đầu trở về với vị trí cao quý của một kẻ sĩ như thuở ban đầu. Ngoài ra ở nước ngoài, họ còn viết “Thư Ngỏ”, (petition) dâng lên đảng Cộng sản Việt Nam xin xỏ, như sau:

“Thư ngỏ nêu lên Ba [3] yêu cầu chính, ngoài việc từ bỏ chủ nghĩa cộng sản, nhóm nhân sĩ trí thức còn yêu cầu Hà Nội ngăn chặn mưu đồ bành trướng của Trung Quốc, thoát khỏi sự lệ thuộc của Bắc Kinh về cả kinh tế lẫn chính trị và xã hội, đồng thời sửa đổi Hiến Pháp, thực hiện các quyền tự do dân chủ của người dân, xây dựng kỷ cương xã hội, sửa đổi luật đất đai.” (Theo: VOA).

Vậy mới rõ rằng trí thức (kẻ sĩ) quốc gia vốn thơ ngây, mơ hồ... - không hiểu một chút gì về bản chất của “chủ thuyết cộng sản” toàn trị. Họ, trước kia đã có một đất nước tự do; một thời phục vụ chính quyền (Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa), do dân bầu, hợp pháp, hợp hiến, hợp công pháp quốc tế. Đã có tự do, đã có tư hữu, đã có nhân quyền, đã có tự do báo chí... nhưng tiếc thay không biết quý trọng, giữ gìn! Bây giờ thân bại danh liệt tị nạn nơi xứ người lại ngồi viết thư xin đảng Cộng sản mọi thứ - đi xin những thứ mà Cộng sản Việt Nam không bao giờ có để mà cho, những thứ không thuộc về mình.

Trong xã hội phong kiến vua chúa và quân chủ chuyên chế, thì chuyện học hành chỉ mong ra làm quan. May mắn, đậu Trạng Nguyên thì vinh quy bái tổ về làng, đồng thời được nhà vua trọng dụng, thậm chí gả công chúa làm vợ. Ngày xưa, một khi thi đậu “trạng nguyên, bãng nhãn, thám hoa, cử nhơn, tú tài” là có tấm bằng. một gia sản cho cả cuộc đời, dù không ra làm quan cũng trở thành ông thầy giáo được người đời tôn vinh, kính nể, được ăn trên ngồi trước.

Từ cái mộng làm quan, cộng với công lao, tiền của của cha mẹ lo cho ăn học - công ơn cao quý đó đã làm cho người “kẻ sĩ” coi mình trong cái ơn nghĩa phải báo đáp nên hầu hết kẻ sĩ thụ động, không dám dấn thân mà chỉ trông chờ một “đấng minh vương” nào đó gầy dựng cơ đồ là theo phò tá - tận trung, ngu trung tới suốt đời. Kẻ sĩ thuở xưa nói: “*Thiên Hạ Hữu Đạo Tắc Hiện*”. nghĩa là: “*Thiên hạ có đạo thì mới ra làm quan*”.

Và kẻ sĩ ngày xưa cũng nói: “*Đại ẩn tại triều, trung ẩn tại thị, tiểu ẩn tại sơn*”, nghĩa là: *người ở ẩn khôn ngoan, mưu sâu là ẩn giữa chốn quan trường để chờ dịp mà hành động*.

Ví dụ: Tư Mã Ý, ẩn thân làm quan cho Tào Tháo, nhưng giấu kỹ mưu đồ soán ngôi. Tào Tháo dù biết nhưng không bằng chứng nên đành chịu và hậu quả là Tư Mã Ý tiêu diệt dòng họ nhà Tào. Hồ Quý Ly vốn người đất Mân (Phúc Kiến) phò nhà Trần cũng tương tự như Tư Mã Ý, - soán ngôi nhà Trần lập nên nước Đại Ngu. Kẻ sĩ có lòng phẫn trác như Tư Mã Ý, Hồ Quý Ly, Tần Cối... đáo cuộc bản thân, gia đình đều bị tiêu vong và để tiếng xấu cho hậu thế.

Trung ẩn tại thị nghĩa là người sống ẩn cư giữa chợ nhìn thế cuộc cầu may.

Ví dụ: Bách Lý Hề, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm... Tiểu ẩn, là người chạy vô trong rừng sâu để sống. Ví dụ, như: Khổng Minh, Hứa Do, Sào Phủ, Khương Tử Nha, Y Doãn...

Họ trốn vô rừng, vô ruộng rẫy, suối sông, ở ẩn để chờ “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, mới ló đầu ra đi tìm chức quan hoặc nằm mong một ai đó, mời mọc, năn nỉ ỉ ôi, mới chịu ra giúp...

Có một điều đáng nói là các kẻ sĩ đi tìm Minh Vương để phò tá hoặc được đích thân các minh vương mời ra làm quan, làm quân sư. Tới khi các đấng (minh vương) đó đã hoàn tất việc chinh chiến tranh giành và nắm quyền hành tuyệt đối trở thành Hoàng Đế, Vua Chúa thì kẻ sĩ như “cá nằm trên thớt.” Kẻ được phong chức, kẻ bị tru di tam tộc, kẻ bị cho ngồi chơi xơi nước, kẻ bị đày đi tù đày, kẻ mất chức về quê đuổi gà cho vợ.

Từ xưa, chỉ có hai công thần “kẻ sĩ”, thoát khỏi tai ương đó. Một là: Trương Lương, sau thời gian âm thầm giúp Lưu Bang dựng nghiệp nhà Hán xong, ông không chờ nhận chức tước mà xin cáo lui về quê với lý do tụng kinh “Huỳnh Đình”. Hai là: Phạm Lãi, sau khi đã giúp Việt Vương Câu Tiễn đánh bại Ngô Phù Sai, ông cũng lặng lẽ rút lui để cùng Tây Thi ngao du nơi Động Đình Hồ.

Số phận thăng trầm của kẻ sĩ cũng bởi vì mộng công hầu mà phải gánh tai ương; chịu vạ sát thân chứ không như “tu sĩ. Tu sĩ thì *“Nhân quán hình sắc nội vô hữu, Nhĩ thính trần sự tâm bất tri.”* Tạm dịch: (*Mất nhìn hình sắc, lòng không động, Tai vắng chuyện đời, dạ chẳng hay.*).

Vua, Không Xuất Thân Từ Kẻ Sĩ:

Từ xưa người lập nên nghiệp bá, đế vương, phần nhiều không xuất thân từ “kẻ sĩ”. Nhưng được kẻ sĩ chạy theo phò tá rất đông tuy họ chỉ là người bình thường, có khi rất bình thường. Điển hình là:

- Lưu Bang là một trong vài người sáng lập triều đại Nhà Hán trong lịch sử Trung Quốc, xuất thân từ tầng lớp nông dân chứ không phải là kẻ sĩ. Lưu Bang chỉ là một “Đình Trưởng” nhỏ bé.

- Chu Nguyên Chương, dựng nên Nhà Minh xuất thân từ tầng lớp nghèo khổ, phải đi giữ dê bò cho địa chủ. Thiên tai, dịch bệnh, hạn hán nên cha mẹ, các anh chị của ông đều nối tiếp nhau chết đói. Ông tới chùa Hoàng Giác làm thầy tu, đi khát thực ba năm, trải qua quá nhiều gian khổ.

- Thành Cát Tư Hãn. Ông lớn lên trong cảnh nghèo khó nơi sa mạc với các bộ tộc và bị ruồng bỏ sau khi cha của ông chết sớm, ông lang thang trong cảnh túng thiếu nên buộc phải chiến đấu để sinh tồn. Cuối cùng thống nhất được các bộ lạc Mông Cổ. Từ đó ông được tôn làm Thành Cát Tư Hãn vào năm 1206, trở thành người sáng lập Đế quốc Mông Cổ.

- Hoàng Đế Toyotomi Hideyoshi ở Nhật Bản, người thống nhất đất nước và Hoàng đế Basil I của Đế quốc Byzantine, họ cũng xuất thân từ tầng lớp thấp.

- Vua Nhà Trần, tổ tiên của nhà vua là người đất Mân, Phúc Kiến (Trung Quốc) di cư tới Tức Mặc, phủ Thiên Trường, đời đời làm nghề đánh cá. Đặt tên cũng đặt bằng tên của các loài cá. Ông Trần Thủ Độ cũng đâu có biết nhiều chữ nghĩa, nhưng ông lại là công thần hàng đầu dựng nên nhà Trần.

- Lý Công Uẩn, dựng nên Nhà Lý (chú tiểu ở chùa). Theo sách: “Mộng Khê Bút Đàm” của (Thẩm-Hoạt) đời Tống thì Lý-Công-Uẩn vốn gốc là người Mân (Phúc-Kiến). Và, Tiến sĩ Từ-Bá-Tường, người Quảng-Tây, nhà Tống. Nội dung trong thư gửi cho Công Uẩn cũng nói: “Tiên thế đại vương vốn là người đất Mân. Tôi nghe nói công khanh ở Giao Chỉ cũng có nhiều người đất Mân.”.

Còn nhiều người xây dựng cơ đồ hay lập nên nghiệp vương, nghiệp bá mà không là “kẻ sĩ”. Tuy rằng các bậc khai cơ, khai nghiệp lớn đó không học vấn cao thâm, thậm chí rất ít học nhưng họ có cặp mắt “thần”. Họ nhận biết người tài. Họ hiểu người tài. Họ biết trọng dụng người tài. Họ biết đãi ngộ người tài... Và, đặc biệt là có niềm tin mãnh liệt cũng như tầm nhìn bao quát tình hình thế sự... Người xưa nói, họ có “Chân Mạng Thiên Tử”. Người có chân mạng thiên tử ắt sẽ có nhiều bậc trí sĩ ẩn cư tìm gặp, mang tài cán ra giúp đỡ làm nên nghiệp đế vương.

Thiên hạ từ xưa đã tự hỏi tại sao kẻ sĩ có học vấn, có tri thức và bằng cấp mà không tự đứng ra lập vương, lập đế?

Có nhiều nguyên do, nhưng tựu trung chỉ có hai nguyên do chánh:

Thứ Nhất: Ngày xưa người đi học học theo lối mòn, từ một khuôn nắn ra chỉ biết “văn hay, chữ đẹp”!. Sĩ tử quanh đi quẩn lại chỉ học sách của các bậc đi trước, soạn sẵn, một thứ “Kinh Sách” cố định một chiều truyền từ đời này sang đời khác, cứ vậy mà học theo lối mòn, không “cải cách” hay “khai phóng”, không được dạy

cách nhìn thực tiễn sâu rộng ra ở bên ngoài xã hội mà tranh luận, suy luận để tìm tòi. Và hơn hết là sợ “thay đổi”. Đầu óc thủ cựu đó thấm sâu vào não bộ, truyền lại các thế sau như một “mệnh lệnh” vô hình ràng rịt tới mê muội.

Thứ Nhì: Học là để làm quan, báo ơn vua, báo ơn cha mẹ dòng tộc... Hơn nữa là chốn quan trường chẳng khác gì chiến trường phải cạnh tranh khốc liệt để giữ mạng sống, giữ địa vị nên không còn thời gian lo nghĩ chuyện cao xa. Ngại dấn thân, bởi sợ thất bại, sợ bị vu không tù tội... Trong não kẻ sĩ chỉ biết vâng lệnh, không dám mạnh dạn nêu ra ý kiến và đặt vấn đề tranh luận đúng sai. Từ lý do đó mà hầu hết kẻ sĩ e dè không dám phiêu lưu.

Kẻ Sĩ Ngày Nay:

Kẻ sĩ ngày xưa thì đã rõ ràng, còn ngày nay thì khái niệm kẻ sĩ có vẻ mơ hồ và càng mơ hồ hơn. Tại sao lại “mơ hồ”? Bởi kẻ sĩ thời nay không nhằm phục vụ cho một thế lực nào cố định hay một lãnh vực nào cố định. Kẻ sĩ ngày nay, họ có toàn quyền lựa chọn ngành nghề; họ có quyền nêu ra vấn đề “đúng, sai”. Họ có quyền xin thôi việc nếu bị chèn ép. Họ cũng không bị áp lực phải trả ơn. Kẻ sĩ ngày nay đa dạng và tự do tranh luận công khai. Họ không bị gò ép phải đi theo một hướng. Thời đại kỹ nghệ văn minh cuộc sống hầu như vội vã, suy nghĩ cũng thực tế, thực dụng. Tất cả đều lo tìm tòi để theo kịp đà phát triển của khoa học.¹

Tuy vậy, kẻ sĩ sống dưới chế độ độc tài thì vẫn là công cụ cho người khác sai khiến, phục vụ cho một nhóm, một đảng phái. Do đó, họ cũng phải (biết hèn) để tồn tại, cái hèn thời cuộc buộc phải hèn. Nhưng một số kẻ sĩ không cam tâm hèn – không cúi đầu chịu khuất phục làm tôi mọi suốt đời, họ vùng dậy đấu tranh. Kẻ sĩ thời nay họ cũng biết “sai lầm”, dẫn tới nguy hiểm cho bản thân. Cũng may là ở thời buổi bùng nổ truyền thông, báo chí... kẻ sĩ có chỗ tranh luận bày tỏ chính kiến. Chính điều này đã làm cho nhà cầm quyền độc tài e ngại, rồi từ e ngại không kiểm soát nổi, nên đàn áp, bỏ tù. Điển hình là vụ án “Nhân Văn Giai Phẩm” là một bằng chứng.

Kẻ sĩ trong “Nhân Văn Giai Phẩm” dù là nạn nhân nhưng không “hèn”. Họ chịu bản án bất công và chịu tù đầy nhiều năm. Điển hình như Phan Khôi, Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung, Phùng Quán, Hữu Loan, Bùi Xuân Phái, Lê Đạt, Nguyễn Bính, Nguyễn Mạnh Tường, Văn Cao, Đào Duy Anh, Yến Lan, Trần Đức Thảo... Và còn một số tên tuổi khác nữa. Đặc biệt là có nữ văn sĩ Thụy An.

Ngược lại, có nhiều “kẻ sĩ” cùng thời lại vì sợ liên lụy tới bản thân gia đình mà bị khuất phục đầu hàng trước cường quyền để rồi cam tâm làm “đầy tớ trung thành” thậm chí còn quay lại làm chứng gian, tố cáo, vu khống bạn hữu thân thiết đã một thời cùng cộng tác với nhau trên các văn đàn. Đã như vậy rồi lại còn viết ra các tác phẩm (thơ, văn) phục vụ cho chủ thuyết độc tài ngoại lai mà không nhớ câu của người xưa nói: “Văn Dĩ Tải Đạo”.

Với, biết bao oan ức, Nguyễn Hữu Đang đã phải thốt lên trong Câu đối:

- Nào công, nào tội, nào nhục, nào vinh, thương số phận Khuất Nguyên, Nguyễn Trãi.
- Vận nước, vận nhà, biết thời, biết thế, quý cuộc đời Nguyễn Trãi, Trương Lương. (Nguyễn Hữu Đang)

Và, một Phùng Quán muốn “làm người chân thật”, nhưng quá khó. Ông viết bài thơ Lời Mẹ Dặn.

*“Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Tôi muốn làm nhà văn chân thật.”*

Trích thơ Phùng Quán

Tiêu chí, mục đích của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm đơn giản chỉ là đòi “cởi trói” cho văn nghệ sĩ, đòi tự do sáng tác văn chương thi phú; cởi trói cho nền văn học được khai phóng. Nhóm chỉ vì hai chữ “Tự Do” mà bị tù đày.

Câu nói “*Thiên Hạ Hữu Đạo Tắc Hiện*”, của kẻ sĩ ngày xưa vẫn còn có ý nghĩa và “hữu dụng” cho tới tận ngày nay. Tại sao nói “hữu dụng”? Bởi kẻ sĩ hiện nay khôn ngoan và thuận lợi hơn kẻ sĩ thời phong kiến. Họ không cần “đấng minh vương”, cũng không hẳn cúi đầu lâu dài phục vụ cho bọn “độc tài, độc đảng”, họ biết thức thời để kiếm ăn, làm giàu rồi tìm đường rút lui. Nghĩa là kẻ sĩ hiện nay vẫn còn núp bóng “*Thiên Hạ Hữu Đạo Tắc Hiện*” với một hình thức mới, hình thức tinh vi hơn, với nhiều biến tướng và che giấu kỹ lưỡng.

Kẻ sĩ thời phong kiến, bị gò ép vào quá mức vào đạo đức, truyền thống gia đình, xã hội và trung thành với vua chúa nên không dám đòi hỏi quyền lợi quá đáng. Ngược lại, kẻ sĩ thời bây giờ, họ cũng nhìn thế sự thăng trầm ra sao rồi mới “tham chính”. Một khi đã tham chính thì lại so kè, chạy vạy tìm đủ mọi cách để được tiến chức thăng quan thu được quyền lợi nhiều hơn, nếu không đáp ứng đầy đủ thì quay ra “phản phé” thoát ly, chạy trốn, lập phe nhóm riêng.

Ngày nay các môn học đa dạng, kẻ sĩ hiện nay bằng cấp nhiều hơn, mỗi người có năm bảy cái bằng tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân là chuyện bình thường. Tuy bằng cấp có nhiều, còn tài năng thực học thì có khi theo không kịp cái bằng, đôi khi bằng cấp lại là “bằng mua, bằng giả” để hợp thức hóa một chức vụ, một cấp bậc nào đó... Trong một xã hội suy đồi tha hóa đạo đức kẻ sĩ dù có trốn nơi trốn triều trung, có trốn giữa chợ, có trốn vô rừng sâu, thiết nghĩ cũng đều giống như nhau. Thôi, tốt hơn hết là đổi mặt mà ngẫm câu: “*Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống*”. Biết đây là biết thời, biết thế và rồi kẻ sĩ lại chờ một “Đấng Minh Vương” mới để phò tá. Nhưng khổ thay, cái đấng minh vương tự cổ chí kim chỉ có đếm trên đầu ngón tay.

Nhìn chung, giữa kẻ sĩ và hèn sĩ khoảng cách chỉ là giao thoa mỏng manh của lý trí trước biến thiên phức tạp bí ẩn của thời cuộc cũng như thực dụng và lý tưởng. Biết vậy nếu có tâm lòng ngay thẳng; có sự thông minh nhạy bén thì có thể đi đúng hướng, để lại công trạng. Thời buổi khoa học hiện nay hèn với không hèn cũng chẳng qua chỉ còn là một khái niệm mơ hồ khó định hình trừ phi có ai đó tự nói ra.

Thi sĩ Nguyễn Du cũng đã từng báo trước:
*“Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
Lạ gì bỉ sắc tư phong.”*

Dù gì, thì kẻ sĩ (hiện nay) vẫn là kẻ sĩ; kẻ sĩ vẫn có ích cho đời. Các chế độ độc tài độc đảng bây giờ e sợ kẻ sĩ có nhân cách, có đạo đức, có thực tài vì những kẻ sĩ đó rất khó thuyết phục và khuất phục.

Trang Y Hạ
(Trần Phước Hân).